TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **398**/2023/DS-PT
Ngày: 24-8-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2023/TLPT-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2023, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 370/2023/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Minh P, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Số A, Tổ A, Ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Lê Minh P: Chị Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1996 (có mặt); Địa chỉ: Số I, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/4/2023).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Số F, Nguyễn Văn Đ, Tổ A, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Cẩm T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Lê Minh P ủy quyền cho chị Phan Thị Thảo Q trình bày: Do có mối quan hệ bạn bè thân thiết nên chị Nguyễn Thị Cẩm T có hỏi vay của chị P nhiều lần (không biết bao nhiêu lần), vay không thỏa thuận lãi suất. Đến ngày 06/02/2021, hai bên đối chiếu số tiền nợ với nhau, chị T còn nợ chị P tổng số tiền là 400.000.000 đồng, có lập biên nhận do chị T viết và ký tên, không thỏa thuận lãi suất, chị T hẹn một tháng sau sẽ trả đủ tiền cho chị P (thỏa thuận bằng lời nói). Sau ngày 06/02/2021, chị T và chị P không có thỏa thuận cho vay tiền gì thêm. Đến hạn trả tiền nợ thì chị T xin khất nợ nhiều lần. Sau đó, chị T trả tiền nhiều lần (03 lần), kéo dài đến ngày 20/5/2022 thì chị T trả cho chị P tổng cộng được 295.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tuy nhiên, kể từ ngày 21/5/2022 cho đến nay, chị T không trả tiền vay gốc cho chị P. Chị P nhiều lần yêu cầu chị T trả số tiền nợ trên nhưng chị T cố tình tránh né, không thực hiện.

Chị Lê Minh P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Cẩm T trả cho chị P số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng; Tiền lãi trên số nợ gốc 105.000.000 đồng, với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 03/10/2022 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.780.154 đồng (làm tròn 5.780.000 đồng).

Đối với việc chị T trình bày ký đối chiếu số tiền nợ với chị P vào ngày 16/02/2021 là không có, mà chị T và chị P ký đối chiếu số tiền nợ với nhau vào ngày 06/02/2021 thì mới đúng (vì biên nhận ghi ngày 06/02/2021). Phần tiền lãi chị T trình bày thì chị P không thống nhất và không đồng ý thỏa thuận với chị T mỗi 03 tháng trả 30.000.000 đồng, mà yêu cầu chị T trả dứt số tiền chị T còn nợ chị P là 105.000.000 đồng tiền vốn gốc và 5.780.000 đồng tiền lãi (tổng cộng 110.780.000 đồng).

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Thống nhất có hỏi vay của chị Lê Minh P nhiều lần: Lần 1, vào ngày 26/12/2020 vay 20.000.000 đồng; Lần 2, vào ngày 06/01/2021 vay 100.000.000 đồng; Lần 3, vào ngày 16/01/2021 vay 50.000.000 đồng; Lần 4, vào ngày 25/01/2021 vay 30.000.000 đồng và lần 5, vào ngày 16/02/2021 vay 200.000.000 đồng. Khi vay có làm biên nhận vay tiền, nhưng đối với phần lãi suất thì chỉ nói bằng lời nói với lãi suất là 6%/tháng. Đến ngày 16/02/2021, hai bên đối chiếu số tiền nợ với nhau, cụ thể chị T còn nợ chị P tổng số tiền là 400.000.000 đồng có làm biên nhận ghi ngày 06/02/2021 do chị T viết và ký tên, thỏa thuận không tiếp tục tính lãi. Tuy nhiên, việc chị P và chị T thỏa thuận không tiếp tục tính lãi thì không ghi vào biên nhận, chị T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Sau khi lập biên nhận ngày 06/02/2021 chốt số tiền mà chị T còn thiếu chị P là 400.000.000 đồng thì chị T không vay nợ gì thêm với chị P. Ngày 02/01/2022, chị T trả cho chị P số tiền 200.000.000 đồng; Ngày 31/01/2022, chị T tiếp tục trả cho chị P số tiền 70.000.000 đồng và ngày

19/5/2022, chị T tiếp tục trả cho chị P số tiền 25.000.000 đồng (chị T trả bằng tiền mặt cho chị P thì chị P có viết biên nhận và ký tên).

Khi vay chị T có trả lãi cho chị P các lần như: Ngày 06/3/2021, chị T trả lãi cho chị P là 12.000.000 đồng; Ngày 16/3/2021, chị T trả lãi cho chị P là 12.000.000 đồng; Ngày 06/4/2021, chị T trả lãi cho chị P là 12.000.000 đồng; Ngày 16/4/2021, chị T trả lãi cho chị P là 12.000.000 đồng (Các lần trả này chị T đưa tiền mặt cho chị P nên không có làm biên nhận); Ngày 20/4/2021, chị T trả lãi cho chị P 22.000.000 đồng; Ngày 12/5/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 24/5/2021, chị T trả lãi cho chị P 10.500.000 đồng; Ngày 17/6/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 03/7/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 08/8/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 12/8/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 28/8/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 16/9/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 02/10/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 24/10/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng; Ngày 15/11/2021, chị T trả lãi cho chị P 12.000.000 đồng (Các lần trả lãi này chị T chuyển cho chị P thông qua bưu cục V có biên nhận).

Chị T thừa nhận việc trả lãi cho chị P là 6%/tháng như trình bày ở trên thì chị T tự nguyện trả và không có ý kiến hay yêu cầu gì đối số tiền lãi chị T đã trả cho chị P như trên. Mặc dù, chị T biết số tiền lãi mà chị trả cho chị P nói trên vượt quá so với quy định. Sau đó, chị T có thương lượng mỗi 03 tháng trả 30.000.000 đồng cho chị P kể từ ngày 10/12/2022 (trả gốc, không trả lãi do chị P không yêu cầu tính lãi).

Nay, chị Nguyễn Thị Cẩm T đồng ý trả cho chị Lê Minh P số tiền nợ còn thiếu là 105.000.000 đồng, nhưng chị T đồng ý trả dần mỗi 03 tháng 30.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền nợ 105.000.000 đồng. Chị T không đồng ý trả lãi như chị P yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh P đối với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

- Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Minh P số tiền vốn gốc là 105.000.000 đồng và tiền lãi là 5.780.000 đồng, tổng cộng là 110.780.000 đồng (Một trăm mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Minh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Lê Minh P số tiền 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014507, ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.539.000 đồng (Năm triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 05/4/2023 chị Nguyễn Thị Cẩm T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (viết tắt là bản án sơ thẩm), yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại phần tiền lãi, chị T chỉ thống nhất trả tiền nợ gốc 105.000.000 đồng cho chị P, không thống nhất trả lãi.

- Nguyên đơn chị Lê Minh P có người đại diện theo ủy quyền là chị Phan Thị Thảo Q trình bày: Qua trao đổi với chị P thì chị P đã thống nhất chỉ yêu cầu chị T trả số tiền vay còn nợ gốc là 105.000.000 đồng, chị P thống nhất miễn tiền lãi 5.780.000 đồng cho chị T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Cẩm T; Tuyên xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2023/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh; Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, về việc chị P chỉ yêu cầu chị T trả số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng, thống nhất miễn tiền lãi 5.780.000 đồng cho chị T và việc chị T thống nhất trả số tiền vay gốc là 105.000.000 đồng cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T không thống nhất bản án sơ thẩm nên đã kháng cáo. Việc chị T nộp đơn kháng cáo ngày 05/4/2023 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Chị P và chị T là bạn bè với nhau nên chị P có cho chị T vay số tiền 400.000.000 đồng có làm biên nhận ngày 06/02/2021. Sau đó, chị T đã trả được số tiền 295.000.000 đồng, còn lại số tiền 105.000.000 đồng. Chị P yêu cầu chị T trả số tiền vay còn nợ 105.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày khởi kiện ngày 03/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.780.154 đồng (làm tròn 5.780.000 đồng). Chị T thừa nhận có vay nhiều lần của chị P với tổng số tiền 400.000.000 đồng, đã trả được số tiền 295.000.000 đồng còn nợ lại 105.000.000 đồng, xin trả dần mỗi 03 tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi trả xong số nợ, không đồng ý trả lãi như yêu cầu của chị P. Từ đó, đã làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Minh P về việc buộc chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho chị P số tiền vốn gốc là 105.000.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ: Chị T vay nhiều lần của chị P với tổng số tiền là 400.000.000 đồng thể hiện tại biên nhận ngày 06/02/2021, chị T đã trả nhiều lần chỉ còn nợ lại chị P số tiền gốc là 105.000.000 đồng, việc này đã được chị T thừa nhận. Về số tiền tính lãi, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm chị Phan Thị Thảo Q đại diện hợp pháp cho chị P thống nhất thỏa thuận với chị T, theo đó chị P chỉ yêu cầu chị T trả số tiền vay gốc còn nợ là 105.000.000 đồng, chị P thống nhất miễn tiền lãi 5.780.000 đồng cho chị T, việc này đã được chị T thống nhất, theo đó chị T sẽ phải trả số tiền vay gốc cho chị P là 105.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa là phù hợp theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Từ cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T, sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của chị Nguyễn Thị Cẩm T được chấp nhận một phần và bản án sơ thẩm bị sửa, nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm;

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Minh P đối với chị Nguyễn Thị Cẩm T.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Minh P số tiền vốn gốc là 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Lê Minh P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị P số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai

mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0014507, ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0000477, ngày 07/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi